

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Am, ông Triệu Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 218/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1981. Địa chỉ: TDP 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2021, các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Giang trình bày:*

Ngày 12/01/2015, bà Nguyễn Thị G đứng ra vay hộ cho bà Hoàng Thị H vay của số tiền 20.000.000 đồng để buôn bán. Bà H ký xác nhận vay số tiền trên của bà G. Thời hạn trả 12/4/2015, lãi suất trong hạn 0,3%/tháng. Bà G đã đòi nhiều lần nhưng bà H không chịu trả mà cố tình trốn tránh, chưa trả cho bà G khoản tiền nào. Giữa bà G và bà H không có quan hệ mua bán, kinh doanh hàng hóa. Việc cho vay tiền không liên quan đến người khác mà chỉ có bà H và bà G, không có ai làm chứng mà chỉ viết giấy tay với nhau.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà G yêu cầu bà H phải trả 20.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn với lãi suất theo quy định pháp luật. Ngày 27/5/2022, bà G nộp đơn rút một phần yêu cầu đối với tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H trả nợ gốc.

**Qua bản tự khai bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày:*

Năm 2016, bà H nhận hàng hóa gia dụng của bà G để bán theo hình thức bán hàng đa cấp với giá trị 20.000.000 đồng. Bà H đã trả cho bà G 10.000.000 đồng tiền mặt và số hàng hóa còn lại giá trị 10.000.000 đồng, khi thanh toán không hủy giấy vay tiền. Bà H không còn nợ bà G khoản tiền nào. Đến năm 2021, bà G có thuê người đến đòi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay theo giấy vay tiền ngày 12/01/2015. Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 9 (nay là thôn 3) xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Kiểm sát viên vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 232, Điều 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng và kiểm sát viên.

Tại bản tự khai, nguyên đơn có trình bày nội dung nhận hàng của nguyên đơn, có nhắc tên đến bà Ph và bà Nguyễn Thị T. Tòa án đã thông báo yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin nhân thân của bà Ph và bà T nhưng bị đơn không cung cấp, cũng không có mặt tham gia đối chất và hòa giải. Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp không có nội dung nào liên quan đến bà Ph, bà T và ông Vũ Đức Nh. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở để tiến hành lấy lấy khai, đối chất đối với ông Vũ Đức Nh, bà T và bà Ph.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn ký giấy vay tiền ngày 12/01/2015, theo đó nguyên đơn vay hộ cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 12/4/2015. Bị đơn không có ý kiến gì về nội dung giấy vay tiền ngày 12/01/2015 và không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy vay. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 463 BLDS. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS giấy vay tiền ngày 12/01/2015 do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Bị đơn cho rằng năm 2016, bị đơn nhận của nguyên đơn hàng hóa để buôn bán với giá trị hàng hóa 20.000.000đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng và trả lại hàng hóa trị giá 10.000.000đồng. Lời khai của bị đơn mâu thuẫn với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã thông báo cho bị đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp, nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu chứng minh việc trả nợ, không có mặt để đối chất và hòa giải. Lời khai của bị đơn không được nguyên đơn công nhận. Do đó lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để xem xét.

Đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn không chứng minh được đã trả tiền cho nguyên đơn theo giấy vay tiền nói trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 466 BLDS, bị đơn phải trả tiền nợ theo quy định.

[2.2] Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền lãi. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện. Căn cứ điều 244 BLTTDS, HĐXX cần chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả tiền lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 1.000.000 đồng (20.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35,; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 232, Điều 238 Điều 244, Điều 266 và điều 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 12/01/2015

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Giang đối với 16.400.000đồng (Mười sáu triệu đồng) tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 12/01/2015

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị G 910.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 60AA/2021/0005229 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Văn thư;
- Kế toán;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Vũ Thị Hải